

Bản án số: 36/2023/HNGĐ - ST  
Ngày: 29/8/2023.  
V/v: *Chị N ly hôn*  
*Anh T.*

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO.

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông NGUYỄN TIẾN HÙNG.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà NGUYỄN THỊ N;

- Ông LÊ HUY TRỌNG.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà LÊ THỊ THU HÀ, Thư ký Toà án nhân dân huyện TO, Tp. HN.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp.HN tham gia phiên tòa:*  
Ông MAI LƯƠNG SON, kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TO - TP. HN xét xử công khai vụ án thụ lý số: 113/2023/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về: "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXX - ST ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1990.

ĐKNKTT và nơi ở: Xóm Ổ Gà, xã ĐL, huyện TL, Tỉnh HB.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1977.

ĐKNKTT và ở tại: Thôn TD, xã Hồng Dương, huyện TO, Tp.HN.

Tại phiên tòa chị N có mặt, anh T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai chị Bùi Thị N trình bày:**

**Về quan hệ vợ chồng:** Chị và anh Phạm Văn T quen biết nhau vào khoảng giữa năm 2010, sau một thời gian tìm hiểu đến năm 2013 thì tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Dương, huyện TO, Tp. HN ngày 23/01/2013 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mặc dù vợ chồng cũng có nhiều cố gắng để vun đắp hạnh phúc nhưng không đem lại

kết quả, đến tháng 02/2022 thì chính thức sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, chị và con gái về ĐL, TL, HB ở, còn anh T ở lại Hồng Dương, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

**Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thanh Thủy, sinh ngày 14/5/2013 hiện con chung khỏe mạnh và đang ở cùng chị, khi ly hôn chị có quan điểm nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T trợ cấp nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Theo chị khai nhận vợ chồng có một số tài sản chung là vật dụng sinh hoạt gia đình như ti vi, tủ lạnh, nay chị có quan điểm không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

**Về công nợ và các yêu cầu khác:** Chị khai nhận không có.

Về phí bị đơn anh Phạm Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã báo gọi nhiều lần (qua số điện thoại, qua giấy báo, giấy triệu tập) nhưng anh T không đến tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền cơ sở, nơi cư trú và người thân duy nhất của anh T tại thôn TD, xã Hồng Dương được biết: Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn TD, xã Hồng Dương huyện TO, HN, hiện tại anh T không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về, đi đâu, làm gì không ai biết.

Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, bản khai của chị N, niêm yết thông báo về phiên hoà giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên anh T vẫn cố tình không đến tòa án khai nhận và đưa ra quan điểm của mình, vì vậy tòa án cần căn cứ vào lời khai, quan điểm của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Ngày 08/8/2023 Tòa án nhân dân huyện TO đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định, tuy nhiên anh T vắng mặt nên phiên tòa phải hoãn. Sau khi tiến hành các trình tự tố tụng theo luật định, tòa án mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân UBND xã Hồng Dương, huyện TO, Tp. HN ngày 23/01/2013 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ được nhà nước công nhận, nay có yêu cầu ly hôn, cần áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 để giải quyết.

- *Về mâu thuẫn của vợ chồng Hội đồng xét xử nhận định:* Căn cứ lời khai của chị N cho thấy, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì nhiều nguyên nhân, bất đồng quan điểm, quá trình giải quyết anh T biết việc tòa án đang tiến hành tố tụng, tuy nhiên vẫn cố tình không đến, trình bày quan điểm, chứng tỏ việc mâu thuẫn của vợ chồng như chị N cung cấp là đúng, việc đoàn tụ của vợ chồng là không có. Tại phiên tòa chị N giữ quan điểm ly hôn, xét mục đích hôn nhân không đạt cần chấp nhận đơn xử cho chị N và anh T được ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung:* Theo khai nhận của chị N trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thanh Thủy, sinh ngày 14/5/2013 hiện con chung khỏe mạnh, đang ở cùng chị, khi ly hôn chị có quan điểm nhận nuôi và cháu Thủy có quan điểm xin được ở với mẹ, xét quá trình giải quyết anh T không đến tòa án để trình bày đưa ra quan điểm về tình cảm, con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N nhận nuôi con chung, chị không yêu cầu trợ cấp nuôi con, nên tạm hoãn việc trợ cấp cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu.

- *Về tài sản chung:* Chị N không có yêu cầu nên không xem xét trong bản án này.

- *Về công nợ và các yêu cầu khác:* Chị N trình bày không có nên không xem xét

**Đại diện VKSND huyện TO, tham gia phiên tòa có quan điểm:**

Từ khi nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ. Thẩm phán, thư ký đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cần xem xét toàn bộ nội dung, căn cứ tài liệu đã thu thập được và trình bày của đương sự, chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn.

Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con chung cho anh T cho đến khi có yêu cầu về việc nuôi con và trợ cấp nuôi con của các bên đương sự.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Vì các lẽ trên!***

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các điều: 51, 53, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 271,272,273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Xử: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh Thủy, sinh ngày 14/5/2013 cho chị Bùi Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị N không yêu cầu anh T trợ cấp nuôi con nên tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con chung cho anh T cho đến khi có yêu cầu về việc nuôi con và trợ cấp nuôi con của các bên đương sự.

Anh Phạm Văn T có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ và các yêu cầu khác: Không xem xét trong bản án này.

- Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0054176 ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/8/2023. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HN;
- VKSND Huyện TO;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Dương;
- Lưu Hồ Sơ .

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN TIẾN HÙNG**